

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227,157,183,820	251,745,904,935
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	120,485,725,696	197,671,943,817
Tiền	111		15,485,725,696	27,595,505,461
Các khoản tương đương tiền	112		105,000,000,000	170,076,438,356
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	10,000,000,000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		10,000,000,000	-
Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		44,841,814,451	10,363,414,167
Phải thu khách hàng	131	V.3	46,447,397,501	14,393,049,862
Trả trước cho người bán	132	V.4	1,651,098,593	1,382,390,593
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.5	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	V.6	1,980,318,357	954,872,711
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.7	(5,237,000,000)	(6,366,898,999)
Hàng tồn kho	140		30,990,454,769	33,963,480,374
Hàng tồn kho	141	V.8	30,990,454,769	33,963,480,374
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		20,839,188,904	9,747,066,577
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	10,607,708,225	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.10	-	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.11	9,135,253,306	9,130,658,779
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	V.12	1,096,227,373	616,407,798

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		123,193,002,838	128,120,681,433
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		94,975,226,003	99,372,738,527
Tài sản cố định hữu hình	221	V.14	54,661,016,941	63,509,402,815
Nguyên giá	222		113,355,727,234	125,988,142,059
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(58,694,710,293)	(62,478,739,244)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.15	-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	40,314,209,062	35,863,335,712
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.17	26,811,175,704	26,811,175,704
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		26,811,175,704	26,811,175,704
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		1,406,601,131	1,936,767,202
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.18	906,601,131	1,436,767,202
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.19	500,000,000	500,000,000
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		350,350,186,658	379,866,586,368

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2013 VND	01/01/2013 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		43,845,779,333	50,198,003,194
Nợ ngắn hạn	310		41,518,361,208	48,198,003,194
Vay và nợ ngắn hạn	311	V.20	247,426,902	247,426,902
Phải trả cho người bán	312	V.21	8,943,017,310	3,077,907,072
Người mua trả tiền trước	313	V.22	632,600,000	12,602,600,000
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.23	6,464,048,439	1,056,545,815
Phải trả công nhân viên	315	V.24	5,983,175,210	15,762,013,359
Chi phí phải trả	316	V.25	12,210,982,004	10,306,734,004
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.26	2,954,559,362	2,332,868,365
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.27	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	V.28	4,082,551,981	2,811,907,677
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
Nợ dài hạn	330		2,327,418,125	2,000,000,000
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	-
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.29	2,327,418,125	2,000,000,000
Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	339		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		306,504,407,325	329,668,583,174
Vốn chủ sở hữu	410	V.30	306,504,407,325	329,668,583,174
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		192,500,000,000	192,500,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		65,743,925,382	49,492,432,100
Quỹ dự phòng tài chính	418		12,531,062,057	9,531,062,057
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		35,729,419,886	78,145,089,017
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TÓNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		350,350,186,658	379,866,586,368

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết
minh

30/06/2013

01/01/2013

Tài sản thuê ngoài	-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (VND)	-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi	-	-
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	42,699,775	42,699,775
Ngoại tệ các loại	2,507.25	2,505.98
- USD	2,507.25	2,505.98
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-



NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯ
Kế toán trưởng

LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THÔNG NHẤT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay VND	Năm trước VND	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		51,783,438,799	57,851,020,248	73,472,321,492	119,046,638,851
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10	VI.1	51,783,438,799	57,851,020,248	73,472,321,492	119,046,638,851
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	45,482,366,168	36,167,287,687	63,679,234,815	72,476,971,611
Lợi nhuận gộp	20		6,301,072,631	21,683,732,561	9,793,086,677	46,569,667,240
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,388,220,622	5,089,186,375	6,962,412,466	9,022,471,887
Chi phí tài chính	22	VI.4				
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23					
Chi phí bán hàng	24	VI.5	48,788,572	65,248,734	79,053,737	94,224,320
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2,542,469,890	2,488,749,632	4,140,775,724	7,008,557,263
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		7,098,034,791	24,218,920,570	12,535,669,682	48,489,357,544
Thu nhập khác	31	VI.7	30,660,246,999	9,208,464,302	34,916,047,926	26,840,759,312
Chi phí khác	32	VI.8	17,846,916,281	4,438,069,328	18,048,780,457	11,404,981,371
Lợi nhuận khác	40		12,813,330,718	4,770,394,974	16,867,267,469	15,435,777,941
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19,911,365,509	28,989,315,544	29,402,937,151	63,925,135,485
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2,759,254,004	4,289,672,752	4,467,113,000	9,079,098,868
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,152,111,505	24,699,642,792	24,935,824,151	54,846,036,617
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		891	1,283	1,295	2,849

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯỜNG
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2013

	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		29,402,937,151	63,925,135,485
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02	VIII.1	3,363,402,213	4,223,596,681
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		(1,129,898,999)	2,207,093,450
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VIII.2	(17,003,032,536)	(24,376,239,291)
Chi phí lãi vay	06			
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08		14,633,407,829	45,979,586,325
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(34,428,320,860)	(12,622,016,348)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		2,973,025,605	23,790,688,290
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11		(12,589,275,289)	3,035,523,184
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12		(10,077,542,154)	(9,110,819,249)
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(264,017,503)	(12,388,073,691)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(7,713,691,000)	(8,658,626,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47,466,413,372)	30,026,262,511
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	VIII.3	(4,608,643,350)	(5,419,949,434)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		15,667,709,035	23,344,008,940
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10,000,000,000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		6,962,412,466	9,022,471,887
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		8,021,478,151	26,946,531,393
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu	32		-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(37,741,282,900)	(38,400,622,500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37,741,282,900)	(38,400,622,500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		(77,186,218,121)	18,572,171,404
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		197,671,943,817	140,095,879,963
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70		120,485,725,696	158,668,051,367

 

NGUYỄN NHẬT THÀNH LÂM
Người lập bảng

NGUYỄN HỮU MẠNH NHƯ
Kế toán trưởng



LÊ VĂN LỢI
Tổng Giám đốc
Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Cổ phần, Nhà nước nắm cổ phần chi phối
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Nông nghiệp & công nghiệp chế biến
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Trồng mới, chăm sóc, khai thác, sơ chế, mua bán cao su; Chế biến, mua bán nông sản, rau quả, thức ăn gia súc, gỗ và các sản phẩm từ gỗ cao su, gỗ rừng trồng; Chăn nuôi gia súc, gia cầm; Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (San lấp mặt bằng); Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi; Khai thác vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản (đất, đá, cát); Mua bán phế liệu các loại; mua bán vật tư kim khí, thiết bị ô tô, xe máy, hoá chất (không phải hoá chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông), phân bón và nông lâm sản, cao su; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hoá; Kinh doanh ván Okal, ván MDF, gỗ ván nhân tạo các loại; Kinh doanh ô tô các loại: xe mới 100% và xe đã qua sử dụng.

II. KỲ TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Kỳ tài chính**
Kỳ tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định của Bộ Tài chính số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 & Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 V/v Hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp;
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán Sổ nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**
 - Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.
 - Công ty tổ chức công tác kế toán theo hình thức tập trung, các đơn vị trực thuộc thực hiện hình thức kế toán báo sổ về Công ty.
- 2. Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn dưới 3 tháng, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

5. Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc:	5 – 20 năm
- Máy móc thiết bị:	4 – 15 năm
- Phương tiện vận tải:	6 – 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý:	3 – 8 năm
- Vườn cây cao su:	6 – 20 năm

6. Chi phí đi vay

- Chi phí đi vay được vốn hóa khi có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán. Các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

7. Tài sản cố định vô hình

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ

9. Đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.
- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

Là dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

- Các khoản chi phí khác như mua CCDC, sửa chữa nâng cấp nhà xưởng ... không đủ điều kiện ghi nhận TSCĐ. Khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tối đa 3 năm.

12. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

- Trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

- Trích trước tiền thuê đất phải trả được tạm tính dựa vào khung giá đất của UBND tỉnh ban hành. Khi hoàn tất thủ tục cho thuê đất, công ty tiến hành quyết toán tiền thuê đất với cơ quan thuế. Nếu tiền thuê đất thực tế cao hơn so với chi phí trích trước thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ hoặc một phần bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu tiền thuê đất thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

13. Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

- Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

15. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu;

16. Cổ tức

- Cổ tức được trả cho cổ đông bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên;

- Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả ngắn hạn trong kỳ cổ tức được công bố.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế

- Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm 2006 và giảm 50% trong 08 năm tiếp theo kể từ năm 2009 đối với hoạt động sản xuất cao su theo khoản 7 - điều 36 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của chính phủ. Số thuế thu nhập miễn giảm được bổ sung Quỹ đầu tư phát triển.

18. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

- Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi, tiền bán quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý		Số đầu năm
Tiền mặt	1,462,257,042		1,292,452,459
Tiền gửi ngân hàng	14,023,468,654		26,303,053,002
Các khoản tương đương tiền	105,000,000,000		170,076,438,356
Cộng	120,485,725,696		197,671,943,817

Chi tiết số dư tiền mặt phù hợp với số liệu Sổ quỹ tiền mặt tại văn phòng công ty và sổ quỹ của các đơn vị trực thuộc công ty vào ngày 30/06/2013 chi tiết như sau:

Chi tiết tiền mặt	VND	Ngoại tệ	Cộng
Tại quỹ Văn phòng công ty	597,954,720		597,954,720
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2	33,023,495		33,023,495
Tại quỹ NTCS Hòa Bình 2 (XDCH)	31,254,196		31,254,196
Tại quỹ NTCS Phong Phú	14,252,216		14,252,216
Tại quỹ NTCS Phong Phú (XDCH)	4,060,000		4,060,000
Tại quỹ Nhà máy CBCS Bàu Non	4,285		4,285
Tại quỹ Nhà máy CBCS Phong Phú	2,057,840		2,057,840
Tại quỹ Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	79,842,045		79,842,045
Tại quỹ Nhà máy CBTAGS Hưng Long	496,475,944		496,475,944
Tại quỹ Xí nghiệp XD&CBG XK Phước Trung	203,332,301		203,332,301
Cộng	1,462,257,042	-	1,462,257,042

Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, chi tiết như sau:

Ngân hàng	Tiền gửi VND	Tiền gửi ngoại tệ	Cộng
Ngân hàng NN&PTNT Vũng tàu	7,559,258,924	48,899,456	7,608,158,380
Sacombank - PGD Bà Rịa	59,644,816		59,644,816
HDBank - Chi nhánh Vũng Tàu	1,078,728,347		1,078,728,347
Maritime Bank - PGD Bà Rịa	5,276,937,111		5,276,937,111
Cộng	13,974,569,198	48,899,456	14,023,468,654

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số dư các khoản tương đương tiền hàng phù hợp với số liệu ghi sổ kế toán và Giấy báo số dư của các ngân hàng vào ngày 30 tháng 06 năm 2013, chi tiết như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng từ 03 tháng trở xuống	105.000.000.000	170,076,438,356
Cộng	105.000.000.000	170,076,438,356

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền gửi kỳ hạn trên 03 tháng	10,000,000,000	
Đầu tư khác		
Cộng	10,000,000,000	-

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	4,219,180,000	4,219,180,549
Công ty SX-TM-DV Đồng Nai	156,461,970	279,847,050
Châu Thị Hồng Diệp	4,001,970	19,552,890
Công ty TNHH SX-TM-DV Lộc Phát	22,884,124,800	
Công ty Cổ phần Long Sơn	12,492,219,674	1,342,530,121
DNTN TM Tuyết Sơn	121,460,800	317,504,725
Chênh lệch số dư tại XN CBNS Phước Hưng	(5)	
Công ty TNHH Thành Lợi	3,563,179,924	4,084,799,544
Công ty CP XD Đức Tuấn		98,467,900
Chênh lệch số dư tại XN XD & CBG XK Phước Trung & phải thu khác	(1)	3,629,999
Công ty TNHH An Thịnh	-	1,049,898,450
Khách hàng khác của Nhà máy CBTAGS Hưng Long	3,006,768,369	2,977,638,634
Cộng	46,447,397,501	14,393,049,862

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TV Đầu tư Xây dựng Tổng hợp tỉnh BRVT	30,000,000	30,000,000
Công ty TNHH XD-TM-SX Đồng Vĩnh Tiến	32,994,893	32,994,893
DNTN Phát Hưng	1,017,820,000	1,117,820,000
Công ty CP PTCN & DV Sáng Tạo		120,000,000
Công ty TNHH SX-TM-DV Hoàn Kim Châu		14,625,600
Hoàng Thị Thu Lý	58,500,000	
Công ty TNHH MTV DV-KT-DK OSC	34,210,000	
Công ty TNHH XD Xuân Thọ	410,973,600	
Võ Hồng Hạnh	10,379,600	10,379,600
La Văn Phước	4,933,000	5,283,000
Nguyễn Thành Sang	6,087,500	6,087,500
Võ Thị Mướt	45,200,000	45,200,000
Cộng	1,651,098,593	1,382,390,593

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu nội bộ ngắn hạn**

	Số cuối quý	Số đầu năm

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu phụ cấp HĐQT & BKS	120,000,000	256,000,000
Phải thu thuế TNCN của người lao động	530,927,693	195,272,203
Phải thu bảo hiểm của người lao động	1,211,053,944	435,004,348
Nộp thừa Bảo hiểm xã hội		58,666,160
Ứng trước trợ cấp ốm đau, thai sản.	111,336,720	
Thuế GTGT chưa được khấu trừ		2,930,000
Phải thu khác	7,000,000	7,000,000
Cộng	1,980,318,357	954,872,711

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

	Số cuối quý	Số đầu năm
DNTN Phát Hưng	(5,237,000,000)	(5,317,000,549)
Công ty TNHH Chăn Nuôi An Thịnh		(1,049,898,450)
Cộng	(5,237,000,000)	(6,366,898,999)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	21,830,392,953	3,027,652,161
Công cụ, dụng cụ	1,162,418,096	554,069,888
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1,410,526,306	-
Thành phẩm	6,538,966,939	30,379,528,325
Hàng hóa	48,150,475	2,230,000
Cộng	30,990,454,769	33,963,480,374
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	
Giá trị thuần có thể thực hiện được	30,990,454,769	33,963,480,374

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Khoản mục chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất nông nghiệp	-	1,956,403,180	182,112,750	1,774,290,430
Chi phí khấu hao cơ bản	-	3,325,907,581	1,550,550,588	1,775,356,993
Chi phí Bảo hiểm	-	2,802,558,476	1,291,013,402	1,511,545,074
Chi phí khác	-	19,826,795,492	14,280,279,764	5,546,515,728
Cộng	-	27,911,664,729	17,303,956,504	10,607,708,225

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Thuế GTGT được khấu trừ

	Số cuối quý	Số đầu năm

11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân		174,035,325
Thuế tài nguyên	7,495,380	8,438,340
Tiền thuê đất nông nghiệp	9,127,757,926	8,948,185,114
Cộng	9,135,253,306	9,130,658,779

12. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Các khoản tạm ứng nhân viên	616,227,373	131,407,798
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	480,000,000	485,000,000
Tài sản thiếu chờ xử lý		
Cộng	1,096,227,373	616,407,798

13. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cộng	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

14. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây Cao su	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	37,227,411,484	21,263,733,477	3,873,672,957	1,618,236,680	62,005,087,461	125,988,142,059
Tăng trong kỳ	-	105,180,000	52,590,000	-	-	157,770,000
Mua sắm mới		105,180,000	52,590,000			157,770,000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						-
Giảm trong kỳ	-	-	25,799,545	-	12,764,385,280	12,790,184,825
Thanh lý, nhượng bán			25,799,545		12,764,385,280	12,790,184,825
Giảm khác						-
Số cuối kỳ	37,227,411,484	21,368,913,477	3,900,463,412	1,618,236,680	49,240,702,181	113,355,727,234
						-
Giá trị hao mòn						-
Số đầu năm	24,054,582,313	9,340,604,401	3,460,521,551	1,425,051,714	24,197,979,265	62,478,739,244
Tăng trong kỳ	1,103,915,472	1,072,389,516	91,857,686	31,766,446	1,079,137,789	3,379,066,909
Khấu hao	1,103,915,472	1,072,389,516	91,857,686	31,766,446	1,079,137,789	3,379,066,909
Tăng khác						-
Giảm trong kỳ	-	-	25,799,545	-	7,137,296,315	7,163,095,860
Thanh lý, nhượng bán			25,799,545		7,137,296,315	7,163,095,860
Giảm khác						-
Số cuối kỳ	25,158,497,785	10,412,993,917	3,526,579,692	1,456,818,160	18,139,820,739	58,694,710,293
Giá trị còn lại						-
Số đầu năm	13,172,829,171	11,923,129,076	413,151,406	193,184,966	37,807,108,196	63,509,402,815
Số cuối kỳ	12,068,913,699	10,955,919,560	373,883,720	161,418,520	31,100,881,442	54,661,016,941
Tạm thời chưa sử dụng						
Chờ thanh lý						

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.598.655.866 đồng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Giá trị hao mòn				
Giá trị còn lại				

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý		Số đầu năm
NTCS Phong phú	10,769,763,041		9,021,463,090
NTCS Hoà Bình 2	29,271,743,431		26,841,872,622
Nhà máy CBMCS Phong Phú	32,702,590		
Văn phòng công ty	240,000,000		
Cộng	40,314,209,062	-	35,863,335,712

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu			
Đầu tư trái phiếu			
Góp vốn vào Cảng Baria-Secere (chiếm 12% vốn pháp định)	26,811,175,704		26,811,175,704
Cộng	26,811,175,704		26,811,175,704

18. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối kỳ
Chi phí (chi phí đo đạc, công cụ dụng cụ, chi phí khác bằng tiền ...)	1,436,767,202	82,789,091	612,955,162	906,601,131
Cộng	1,436,767,202	82,789,091	612,955,162	906,601,131

19. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối quý		Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	500,000,000		500,000,000
Cộng	500,000,000		500,000,000

20. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý		Số đầu năm
Công nợ thâm canh cà phê	247,426,902		247,426,902
Cộng	247,426,902		247,426,902

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Phải trả cho người bán**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyễn Thành Trung	31,740,000	31,740,000
Công ty CP Tư vấn đầu tư & TKXD Minh Phương		41,659,200
Công ty CP BVTV Sài Gòn	507,816,983	
Viện nghiên cứu cao su Việt Nam	116,493,510	
Công ty TNHH Tân Hùng Thái	99,965,547	
Garage Giác Thành	3,000,000	
Công ty TNHH Thảo Nguyên	5,270,922,405	
Nguyễn Thị Nga	24,384,296	
Nguyễn Thị Hạnh	10,694,560	
Phạm Thị Thu Tuyết	13,165,301	
Nguyễn Thị Tuyết	53,564,096	
Công nợ phải trả - Xí nghiệp CBNS Phước Hưng		126,418,694
Công nợ phải trả - Nhà máy CBTAGS Hưng Long	2,811,270,612	2,878,089,178
Cộng	8,943,017,310	3,077,907,072

22. Người mua trả tiền trước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CP TM-DV-DL Cao su	632,600,000	632,600,000
Công ty TNHH SX Cao su Liên Anh		11,970,000,000
Cộng	632,600,000	12,602,600,000

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1,302,826,723	792,528,312
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,467,113,000	264,017,503
Thuế thu nhập cá nhân	694,108,716	
Tổng cộng	6,464,048,439	1,056,545,815

24. Phải trả người lao động

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền lương	5,983,175,210	15,762,013,359
Cộng	5,983,175,210	15,762,013,359

25. Chi phí phải trả

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền ăn giữa ca	237,930,000	236,742,000
- NTCS Phong Phú	41,430,000	48,345,000
- NTCS Hòa Bình	178,125,000	166,812,000
- Nhà máy SCCS Bàu Non	12,525,000	14,655,000
- Nhà máy SCCS Phong Phú	5,850,000	6,930,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuê đất	11,673,052,004	10,009,992,004
- NTCS Hòa Bình 2	10,028,321,000	8,365,261,000
- NTCS Phong Phú	1,644,731,004	1,644,731,004
Tiền thuê xe	240,000,000	
Chi phí kiểm toán BCTC 06 tháng	60,000,000	60,000,000
Cộng	12,210,982,004	10,306,734,004

26. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	418,404,469	356,732,384
Bảo hiểm xã hội	708,895,355	
Ký quỹ thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình	396,213,959	374,130,959
Phải nộp về công ty - NTCS Hòa Bình	180,464	
Phải nộp về công ty - XDCB NTCS Hòa Bình	14,587,382	9,917,800
Phải nộp về công ty - Xí nghiệp CBNS Phước Hưng	140,515,201	
Phải nộp về công ty - Xí nghiệp Phước Trung	91,717,764	58,353,384
Xí nghiệp Phước Trung phải trả Võ Thị Thanh		360,000,000
Cổ tức phải trả cho cổ đông	1,184,044,768	1,102,918,268
Phải trả tiền bảo hiểm phải thu cho người lao động		23,117,529
Phải trả tiền trợ cấp cho người lao động		45,698,041
Phải trả khác		2,000,000
Cộng	2,954,559,362	2,332,868,365

27. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
Cộng		

28. Quỹ khen thưởng Phúc lợi

	Số đầu năm	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2,671,615,016	6,000,000,000	5,235,700,000	3,435,915,016
Quỹ phúc lợi	39,871,980	3,000,000,000	2,477,991,000	561,880,980
Quỹ phúc lợi đã hình thành TSCĐ	100,420,681		15,664,696	84,755,985
Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành công ty	-			-
Cộng	2,811,907,677	9,000,000,000	7,729,355,696	4,082,551,981

29. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Số cuối quý	Số năm trước
Số đầu kỳ	2,000,000,000	608,345,407
Số tăng trong kỳ	327,418,125	2,199,385,000
Số giảm trong kỳ	-	807,730,407
Số cuối kỳ	2,327,418,125	2,000,000,000

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

30. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước					
Số dư 01/01/2012	192,500,000,000	34,062,793,529	6,465,933,208	75,462,496,901	308,491,223,638
Lợi nhuận trong kỳ				70,322,746,082	70,322,746,082
Phụ cấp HĐQT & BKS				(500,000,000)	(500,000,000)
Trích lập các quỹ		16,379,638,571	3,065,128,849	(19,444,767,420)	-
Chi cổ tức năm 2011				(38,500,000,000)	(38,500,000,000)
Trích lập quỹ khen thưởng				(6,130,257,697)	(6,130,257,697)
Trích lập quỹ phúc lợi				(3,065,128,849)	(3,065,128,849)
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc		(950,000,000)			(950,000,000)
Số dư 31/12/2012	192,500,000,000	49,492,432,100	9,531,062,057	78,145,089,017	329,668,583,174
					-
Năm nay					-
Số dư 01/01/2013	192,500,000,000	49,492,432,100	9,531,062,057	78,145,089,017	329,668,583,174
Lợi nhuận trong kỳ				24,935,824,151	24,935,824,151
Phụ cấp HĐQT & BKS				(600,000,000)	(600,000,000)
Trích lập các quỹ		16,251,493,282	3,000,000,000	(19,251,493,282)	-
Chi cổ tức				(38,500,000,000)	(38,500,000,000)
Trích lập quỹ khen thưởng				(6,000,000,000)	(6,000,000,000)
Trích lập quỹ phúc lợi				(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
Trích lập quỹ thưởng HĐQT & Ban Giám đốc					-
Số dư 30/06/2013	192,500,000,000	65,743,925,382	12,531,062,057	35,729,419,886	306,504,407,325

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số năm trước
Vốn đầu tư của Nhà nước (51%VĐL)	98.175.000.000	98.175.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác (49% VĐL)	94.325.000.000	94.325.000.000
Cổ phiếu quỹ		
Cộng	192.500.000.000	192.500.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối quý	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	192.500.000.000	192.500.000.000
Vốn góp đầu năm	0	0
Vốn góp tăng trong kỳ	0	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0	0
Vốn góp cuối kỳ	192.500.000.000	192.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

Cổ phiếu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	19.250.000	19.250.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Cổ phiếu thường	0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu thường	19.250.000	19.250.000
- Cổ phiếu ưu đãi	0	0
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng		

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để: Bổ sung vốn điều lệ của Công ty. Trước khi có Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về việc bổ sung vốn điều lệ, Công ty tạm thời sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để: Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh; Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khen thưởng được dùng để: Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác mỗi cán bộ, công nhân viên trong công ty; Thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể trong công ty; Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài công ty có đóng góp cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của công ty
- Quỹ phúc lợi được dùng để: Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi trong công ty; Chi cho hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên công ty, phúc lợi xã hội; trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa, viếng ma chay hoặc làm công tác từ thiện, tham quan du lịch.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 02/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
1 Tổng doanh thu	51,783,438,799	57,851,020,248
Doanh thu bán mủ cao su	30,640,195,000	47,190,300,000
Doanh thu gia công mủ cao su	152,822,800	119,091,814
Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi & nguyên liệu	4,434,189,462	4,513,104,145
Doanh thu bán điều nhân & chi phí gia công điều nhân	13,160,546,537	4,254,296,289
Doanh thu bán sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ	3,395,685,000	1,774,228,000
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
Doanh thu thuần	51,783,438,799	57,851,020,248

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Giá vốn tiêu thụ mủ cao su	24,370,276,783	25,317,129,490
Giá vốn gia công mủ cao su	147,931,589	109,936,823
Giá vốn tiêu thụ thức ăn chăn nuôi & nguyên liệu	4,441,412,848	4,568,087,139
Giá vốn tiêu thụ điều nhân & gia công điều nhân	13,449,801,801	4,552,115,573
Giá vốn tiêu thụ sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công sản phẩm gỗ	3,009,280,757	1,620,018,662
Giá vốn khác	63,662,390	
Cộng	45,482,366,168	36,167,287,687
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	45,482,366,168	36,167,287,687

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Lãi tiền gửi	2,186,298,922	5,089,186,375
Lợi nhuận góp vốn liên doanh	1,201,921,700	
Cộng	3,388,220,622	5,089,186,375

4. Chi phí tài chính

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước

5. Chi phí bán hàng

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Chi phí bốc xếp mủ	18,705,960	24,750,400
Chi phí tiêu thụ điều nhân	8,569,612	8,081,625
Chi phí tiêu thụ thức ăn gia súc	21,513,000	32,416,709
Cộng	48,788,572	65,248,734

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	1,236,536,013	1,078,570,726
Chi phí trả trước dài hạn	15,555,637	52,893,723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	66,518,886	62,876,996
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	373,456,425	
Chi phí tính trước	260,000,000	240,000,000
Thuế, phí và lệ phí	5,454,600	
Chi phí bằng tiền	584,948,329	470,408,187
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		584,000,000
Cộng	2,542,469,890	2,488,749,632

7. Thu nhập khác

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Thu từ thanh lý vườn cây cao su	29,528,888,000	8,685,692,000
Bán vỏ điều, phí phơi điều		336,437,630
Bán mù vụn, mù bột	51,460,000	
Hoàn dư phòng nợ phải thu khó đòi	1,079,898,999	
Thu nhập khác		186,334,672
Cộng	30,660,246,999	9,208,464,302

8. Chi phí khác

	Quý 02 năm nay	Quý 02 năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17,820,368,965	4,281,934,296
Chi phí khấu hao tài sản	18,747,316	54,167,046
Phạt vi phạm hành chính	7,800,000	
Chi phí khác		101,967,986
Cộng	17,846,916,281	4,438,069,328

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	73,472,321,492	119,046,638,851
Doanh thu bán mủ cao su	42,419,890,000	98,906,070,000
Doanh thu gia công mủ	225,235,600	202,972,534
Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi	9,997,454,915	10,176,947,528
Doanh thu bán điều nhân & gia công điều nhân	14,609,096,537	6,269,270,789
Doanh thu bán sản phẩm từ gỗ & chi phí gia công	6,220,644,440	3,491,378,000
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	73,472,321,492	119,046,638,851

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán mủ cao su	32,937,226,889	52,682,434,975
Giá vốn chi phí gia công mủ	212,965,229	192,037,539
Giá vốn bán thức ăn gia súc	9,753,393,752	10,229,841,243
Giá vốn bán điều nhân & gia công điều nhân	14,812,915,960	6,149,453,947
Giá vốn bán sản phẩm gỗ & chi phí gia công	5,626,353,325	3,223,203,907
Giá vốn khác	336,379,660	
Cộng	63,679,234,815	72,476,971,611
Dự phòng (hoàn) giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	63,679,234,815	72,476,971,611

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	5,760,490,766	9,022,471,887
Lợi nhuận góp vốn liên doanh	1,201,921,700	
Cộng	6,962,412,466	9,022,471,887

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán mủ cao su	22,305,960	34,130,400
Chi phí bán điều nhân	13,386,027	8,081,625
Chi phí bán cám	43,361,750	52,012,295
Cộng	79,053,737	94,224,320

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương	2,324,680,233	3,177,141,453
Chi phí khấu hao tài sản cố định	133,037,772	123,946,947
Chi phí trả trước dài hạn	31,111,274	105,787,446
Chi phí trợ cấp mất việc làm	381,546,225	
Thuế, phí và lệ phí	21,638,154	3,100,200
Chi phí bằng tiền	948,762,066	900,682,767
Dự phòng nợ phải thu khó đòi		2,217,898,450
Chi phí trích trước	300,000,000	480,000,000
Cộng	4,140,775,724	7,008,557,263

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý vườn cây cao su	33,486,328,000	26,189,187,940
Thu bán vỏ điều, phí phơi điều		460,636,700
Thu bán mủ vụn, mủ bột	106,285,000	2,600,000
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	1,129,898,999	
Thu khác	193,535,927	188,334,672
Cộng	34,916,047,926	26,840,759,312

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	17,820,368,965	10,835,420,536
Chi phí khấu hao tài sản	37,494,632	108,334,092
Chi phí phơi điều		104,292,755
Phạt vi phạm hành chính	7,800,000	
Chi phí khác	183,116,860	356,933,988
Cộng	18,048,780,457	11,404,981,371

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	29,402,937,151	63,925,135,485
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	51,294,632	193,334,092
- Các khoản điều chỉnh giảm	1,201,921,700	
Tổng thu nhập chịu thuế	28,252,310,083	64,118,469,577
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25.00%	25.00%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính	7,063,077,521	16,029,617,394
Thuế thu nhập được miễn	2,595,964,521	6,950,518,526
- Theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP	2,595,964,521	6,950,518,526
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	4,467,113,000	9,079,098,868

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24,935,824,151	54,846,036,617
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu	24,935,824,151	54,846,036,617
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	19,250,000	19,250,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,295	2,849

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Khấu hao tài sản cố định**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	3,363,402,213	4,223,596,681
Khấu hao tài sản cố định vô hình		
Cộng	3,363,402,213	4,223,596,681

2. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	10,040,620,070	15,353,767,404
Lãi (lỗ) từ hoạt động thanh lý tài sản	6,962,412,466	9,022,471,887
Cộng	17,003,032,536	24,376,239,291

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	4,608,643,350	5,228,083,434
Mua sắm tài sản cố định vô hình		
Cộng	4,608,643,350	5,228,083,434

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:

2- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

3- Thông tin về các bên liên quan:

Căn cứ tại Điểm 1.1, Khoản 1, Điều 7 và Điểm 3.1, Khoản 3, Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 30/06/2013 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Công ty CP Cao su Thống Nhất xuất bán cây cao su gây đổ, củi cao su thanh lý.	6.800.760.000
Châu Thị Hồng Diệp	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD công ty.	Công ty CP Cao su Thống Nhất xuất chi phí gia công mũ cao su...	6.869.450
		Tổng cộng:	6.807.629.450
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch lũy kế đến 30/06/2013 (VNĐ)
Công ty TNHH Hưng Nhơn	Cổ đông lớn (chiếm 5,19% vốn điều lệ)	Công ty CP Cao su Thống Nhất thuê gia công, tấm sấy, cửa cắt, vận chuyển củi, gỗ cao su thanh lý.	13.412.608.000
Công ty TNHH Lê Danh	Vợ CT.HĐQT kiêm TGD công ty là giám đốc	Công ty CP Cao su Thống Nhất mua dầu DO, nhớt.	623.350.000
		Tổng cộng:	14.035.958.000

4- Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý) theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 “Báo cáo bộ phận”(2):

Công ty Cổ phần Cao su Thống Nhất được tổ chức 4 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, là:

- Văn phòng công ty bao gồm: Nông trường cao su Hoà Bình 2, Nông trường cao su Phong Phú, Nhà máy chế biến cao su và gỗ Bàu Non và Nhà máy sơ chế cao su Phong Phú: Chuyên khai thác, sơ chế, kinh doanh cao su...

- Xí nghiệp chế biến nông sản Phước Hưng: Sơ chế, kinh doanh hạt điều; gia công điều nhân

- Nhà máy chế biến thức ăn gia súc Hưng Long: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;

- Xí nghiệp XD & CBG Xuất khẩu Phước Trung: Sản xuất các sản phẩm từ gỗ; gia công sản phẩm gỗ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

BÁO CÁO BỘ PHẬN CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT*Đơn vị tính: đồng*

Chỉ tiêu	CAO SU	NÔNG SẢN	THỨC ĂN CHĂN NUÔI	GỖ	TỔNG CỘNG
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1, Doanh thu thuần	42,645,125,600	14,609,096,537	9,997,454,915	6,220,644,440	73,472,321,492
2, Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác					-
3, Khấu hao	2,705,413,421	222,210,150	435,778,642	-	3,363,402,213
4, Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	27,771,084,556	(213,036,383)	1,250,597,863	594,291,115	29,402,937,151
5, Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	4,608,643,350				4,608,643,350
6, Tài sản bộ phận	303,545,298,210	30,749,279,054	10,918,856,914	5,136,752,480	350,350,186,658
7, Tài sản không phân bổ					-
Tổng Tài sản	303,545,298,210	30,749,279,054	10,918,856,914	5,136,752,480	350,350,186,658
8, Nợ phải trả bộ phận	35,661,778,063	5,372,730,658	2,811,270,612	-	43,845,779,333
9, Nợ phải trả không bộ phận					-
Tổng Nợ phải trả	35,661,778,063	5,372,730,658	2,811,270,612	-	43,845,779,333

Ghi chú: Cột 6: Các số in đậm - khớp với số liệu trên Báo cáo KQKD và Bảng CĐKT

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU THỐNG NHẤT

Địa chỉ: 256 Đường 27/4, phường Phước Hưng, Thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 02 NĂM 2013

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

5- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):

6- Thông tin về hoạt động liên tục:

7- Những thông tin khác:

Giải trình biến động trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa báo cáo quý của kỳ công bố so với báo cáo quý cùng kỳ năm trước có biến động từ mười phần trăm (10%) trở lên hoặc kết quả kinh doanh trong quý bị lỗ, tổ chức niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn phải giải trình rõ nguyên nhân trong Báo cáo tài chính quý đó.

Lợi nhuận sau thuế quý 02/2013 đạt **17.152.111.505 đồng** giảm hơn so với quý 02/2012 là **7.547.531.287 đồng**, tương ứng với tỷ lệ giảm là **30,56%**.

Nguyên nhân chủ yếu là do:

- Do giá bán cao su quý 02/2013 giảm hơn so với quý 02/2012;
- Do lãi suất tiền gửi giảm làm cho doanh thu tài chính giảm.

Bà Rịa, ngày 17 tháng 07 năm 2013

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Nhật Thành Lâm

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Mạnh Nhường

TỔNG GIÁM ĐỐC

Lê Văn Lợi